**ÔN THI CUỐI KÌ MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN**

1. ***Điều Kiện Ra Đời Của Nền Sản Xuất Hàng Hoá? Hàng Hoá Và Thuộc Tính Của Hàng Hoá ? Tính Chất Hai Mặt Của Lao Động Sản Xuất Hàng Hoá. Quy Luật Giá Trị***

* Điều kiện ra đời của nền sản xuất hàng hoá:
* Phân công lao động xã hội:
* Phân công lao động xã hội là sự phân chia lao động xã hội thành các ngành, nghề khác nhau.
* Phân công lao động xã hội tạo ra sự chuyên môn hóa lao động, do đó dẫn đên chuyên môn hóa sản xuất. Do phân công lao động xã hội nên mỗi người sản xuất chỉ tạo ra một hoặc một vài loại sản phẩm nhất định. Song cuộc sống của mỗi người lại cần đến rất nhiều loại sản phẩm khác nhau. Để thỏa mãn nhu cầu, đòi hòi họ phải có mối liên hệ phụ thuộc vào nhau, phải trao đổi sản phẩm cho nhau.
* Sự tách biệt tương đối về mặt kinh tế của những người sản xuất: Sự tách biệt này do các quan hệ sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất, mà khởi thủy là chế độ tư hữu nhỏ về tư liệu sản xuất, đã xác định người sở hữu tư liệu sản xuất là người sở hữu sản phẩm lao động.
* Hàng hoá và thuộc tính của hàng hoá
* Hàng hoá
* Hàng hóa là một phạm trù lịch sử, nó chỉ xuất hiện khi có nền sản xuất hàng hóa, đồng thời sản phẩm lao động mang hình thái hàng hóa khi nó là đối tượng mua bán trên thị trường. Hàng hóa là sản phẩm của lao động, thỏa mãn mong muốn, nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi hay mua bán.
* Hàng hóa có thể tồn tại dưới dạng vật thể hoặc phi vật thể. Từ khái niệm này, ta có thể rút ra kết luận một đồ vật muốn trở thành hàng hóa cần phải thỏa mãn 3 yếu tố:
* Hàng hóa là sản phẩm của lao động
* Hàng hóa có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người
* Thông qua trao đổi, mua bán
* Thuộc tính của hàng hoá
* Giá trị sử dụng của hàng hoá
* Giá trị sử dụng là công dụng của hàng hóa có thể thỏa mãn một số nhu cầu nào đó của con người.
* đặc điểm :
* Giá trị sử dụng do thuộc tính tự nhiên của hàng hóa quyết định
* Hàng hóa không nhất thiết chỉ có một giá trị sử dụng duy nhất. Khi khoa học kỹ thuật càng phát triển người ta càng phát hiện ra nhiều thuộc tính mới của hàng hóa và sử dụng chúng cho nhiều mục đích khác nhau.
* Giá trị sử dụng là phạm trù vĩnh viễn vì nó tồn tại trong mọi phương thức hoặc mọi kiểu tổ chức sản xuất.
* Giá trị sử dụng không dành cho bản thân người sản xuất hàng hóa mà cho người tiêu dùng hàng hóa (xã hội). Người mua có quyền sở hữu và sử dụng hàng hóa theo mục đích của họ. Hay nói cách khác, sản phẩm hàng hóa đáp ứng nhu cầu của xã hội.
* Giá trị hàng hoá
* Giá trị hàng hóa là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh bên trong hàng hóa. Giá trị là nội dung bên trong của hàng hóa, nó được biểu hiện ra bên ngoài bằng việc hai hàng hóa có thể trao đổi được với nhau.
* Dặc điểm :
* Biểu hiện mối quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa
* Là phạm trù lịch sử chỉ tồn tại ở kinh tế hàng hóa
* Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá

Gồm có lao động cụ thể và lao động trừu tượng

* Lao động cụ thể
* Lao động cụ thể là lao động có ích dưới một hình thức cụ thể của những nghề nghiệp chuyên môn nhất định. Mỗi lao động cụ thể có mục đích riêng, đối tượng riêng, phương tiện riêng, phương pháp riêng và kết quả riêng.
* Mỗi lao động cụ thể tạo ra một loại giá trị sử dụng nhất định.
* Lao động cụ thể càng nhiều loại càng tạo ra nhiều loại giá trị sử dụng khác nhau.
* các hình thức lao động cụ thể ngày càng đa dạng, phong phú
* lao động cụ thể cũng lả phạm trù vĩnh viễn tồn tại gắn liền với vật phẩm, nó là một điều kiện không thể thiếu trong bất kỳ hình thái kinh tế – xã hội nào.
* Lao động trừu tượng
* Lao động trừu tượng là lao động của người sản xuất hàng hóa khi đã gạt bỏ những hình thức cụ thể của nó, hay nói cách khác, đó chính là sự tiêu hao sức lao động (tiêu hao sức bắp thịt, thần kinh) của người sản xuất hàng hóa nói chung.
* Lao động trừu tượng chỉ có trong nền sản xuất hàng hóa, do mục đích của sản xuất là để trao đổi.
* Lao động trừu tượng tạo ra giá trị, làm cơ sở cho sự ngang bằng trong trao đổi
* lao động trừu tượng là một phạm trù lịch sử riêng có của sản xuất hàng hóa.
* Nếu lao động cụ thể chỉ là một trong hai nhân tố tạo thành giá trị sử dụng thì lao động trừu tượng là nhân tô duy nhất tạo ra giá trị của hàng hóa. Giá trị của mọi hàng hóa chỉ là sự kết tinh của lao động trừu tượng.
* Quy luật giá trị
* Vị trí vai trò của quy luật: Quy luật giá trị là quy luật kinh tế căn bản của sản xuất và lưu thông hàng hóa, ở đâu có sản xuất và trao đổi hàng hoá thì ở đó có sự tồn tại và phát huy tác dụng của quy luật giá trị.
* Nội dung : Quy luật giá trị yêu cầu sản xuất và trao đổi hàng hóa phải dựa trên cơ sở giá trị của nó, tức là hao phí lao động xã hội cần thiết.
* Trong sản xuất : Sản xuất hàng hóa được thực hiện theo sự hao phí sức lao động xã hội cần thiết, tức là cần phải tiết kiệm lao động nhằm: đối với một hàng hóa thì giá trị của nó phải nhỏ hơn hoặc bằng thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó, tức là giá cả thị trường của hàng hóa, có như vậy, việc sản xuất ra hàng hóa mới đem lại lợi thế cạnh tranh cao.
* Trong lưu thông: Trong trao đổi hàng hóa phải tuân theo nguyên tắc ngang giá, nghĩa là phải đảm bảo bù đắp được chi phí chí người sản xuất (chi phí hợp lý) và đảm bảo hoạt động sản xuất đó có lãi để tiếp tục tái sản xuất
* Tác động của quy luật giá trị
* Thứ nhất: Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá trên thị trường.
* Thứ hai: Thúc đẩy cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, tăng năng suất lao động, làm cho lực lượng sản xuất xã hội phát triển.
* Thứ ba: Làm cho sự phân hoá người sản xuất hàng hoá thành người giàu, người nghèo.

1. ***Nguồn Gốc Và Bản Chất Của Giá Trị Thặng Dư. Các Phương Pháp Sản Xuất Giá Trị Thặng Dư. Tích Luỹ Tư Bản Và Các Nhân Tố Ảnh Hưởng Dến Quy Mô Tích Luỹ Tư Bản.***

* Nguồn gốc và bản chất của giá trị thặng dư
* Khái niệm : là phần mà nhà tư bản chiếm đoạt không công của người công nhân
* Nguồn gốc : là lao động không công của người công nhân
* Bản chất : Giá trị thặng dư phản ánh rất rõ bản chất quan hệ bóc lột trong sản xuất. Giá trị thặng dư càng cao đồng nghĩa với việc quan hệ bóc lột giữa người chủ và công nhân càng nặng. Hay nói cách khác, tư bản chủ nghĩa ra sức bóc lột sức lao động của người công nhân để đẩy giá trị thặng dư mà mình có được lên mức cao nhất. Chính vì vậy, người giàu sẽ mãi giàu còn người nghèo vẫn sẽ mãi loay hoay với cuộc sống thiếu thốn của mình.
* Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư
* Tuyệt đối
* Tương đối
* Siêu ngạch
* Tích luỹ cơ bản và các nhân tố ảnh hưởng đến quy mô tích luỹ tư bản
* Khái niệm : Sự chuyển hóa một phần giá trị thặng dư trở lại thành tư bản gọi là tích lũy tư bản.
* Các nhân tố ảnh hưởng
* Trình độ bóc lột giá trị thặng dư
* Trình độ năng suất lao động xã hội
* Sự chênh lệch ngày càng tăng giữa tư bản sử dụng và tư bản tiêu dùng

1. ***Nguyên nhân ra đời và bản chất của độc quyền nhà nước. Vai trò và hạn chế của chủ nghĩa tư bản trong quá trình phát triển***

* Nguyên nhân ra đời
* Một là, sự phát triển của lực lượng sản xuất dẫn đến quy mô của nền kinh tế ngày càng lớn, tính chất xã hội hóa của nền kinh tế ngày càng cao đòi hỏi có sự điều tiết xã hội đối với sản xuất và phân phối, một kế hoạch hoá tập trung từ một trung tâm.
* Hai là, sự phát triển của phân công lao động xã hội
* Ba là, sự thống trị độc quyền
* Bốn là, sự tích tụ và tập trung tư bản cao
* Năm là. Sự bành trướng của liên minh độc quyền quốc tế vấp phải những hàng rào quốc gia dân tộc và xung đột lợi ích với các đối thủ trên thị trường thế giới
* Ngoài ra, cuộc đấu tranh với chủ nghĩa xã hội hiện thực và tác động của cách mạng khoa học và công nghệ cũng đòi hỏi sự can thiệp trực tiếp của nhà nước vào đời sống kinh tế.
* Bản chất của độc quyền nhà nước
* chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là sự kết hợp sức mạnh của các tổ chức độc quyền tư nhân với sức mạnh của nhà nước tư sản thành một thiết chế và thể chế thống nhắt, rrong đó nhò nước tư sản bị phụ thuộc vào các tổ chức độc quyền và can thiệp vào các quá trình kinh tế nhằm bảo vệ lợi ích của các tổ chức độc quyền về cứu nguy cho chủ nghĩa tư bản.

**=>Như vậy, chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là một quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội chứ không phải là mội chính sách trong giai đoạn độc quyền của chủ nghĩa tư bản.**

* Vai trò của chủ nghĩa tư bản trong quá trình phát triển
* Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản đã giải phóng loài người khỏi "đêm trường trung cổ" của xã hội phong kiến; đoạn tuyệt với nền kinh tế tự nhiên, tự túc, tự cấp chuyển sang phát triển kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa; chuyển sản xuất nhỏ thành sản xuất lớn hiện đại.
* Phát triển lực lượng sản xuất.
* Thực hiện xã hội hóa sản xuất
* Chủ nghĩa tư bản thông qua cuộc cách mạng công nghiệp đã lần đầu tiên biết tổ chức lao động theo kiểu công xưởng, do đó đã xây dựng được tác phong công nghiệp cho người lao động, làm thay đổi nền nếp, thói quen của người lao động sản xuất nhỏ trong xã hội phong kiến.
* Chủ nghĩa tư bản lần đầu tiên trong lịch sử đã thiết lập nên nền dân chủ tư sản, nền dân chủ này tuy chưa phải là hoàn hào, song so với thể chế chính trị trong các xã hội phong kiến, nô lệ, vẫn tiến bộ hơn rất nhiều bởi vì nó được xây dựng trên cơ sở thừa nhận quyền tự đo thân thể của cá nhân.
* Hạn chế
* Chủ nghĩa tư bản ra đời gắn liền với quá trình tích luỹ nguyên thuỷ của chủ nghĩa tư bản. Thực chất đó là quá trình tích luỹ tiền tệ nhờ vào những biện pháp ăn cướp, tước đoạt đối với những người sản xuất hàng hóa nhỏ và nông dân tự do; nhờ vào hoạt động buôn bán, trao đổi không ngang giá qua đó mà thực hiện sự bóc lột, nô dịch đối với những nước lạc hậu. Về quá trình tích luỹ nguyên thuỷ của chủ nghĩa tư bản, C. Mác cho rằng, đó là lịch sử đầy máu và bùn nhơ, không giống như một câu chuyện tình ca, nó được sử sách ghi chép lại bằng những trang đẫm máu và lửa không bao giờ phai.
* Cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản là quan hệ bóc lột của các nhà tư bản đối vói công nhân làm thuê.
* Các cuộc chiến tranh thế giới với mục đích tranh giành thị trường, thuộc địa và khu vực ảnh hưởng đã để lại cho loài người những hậu quả nặng nề.
* Chủ nghĩa tư bản phải chịu trách nhiệm chính trong việc tạo ra hố ngăn cách giữa các nước giàu và các nước nghèo trên thế giới

1. ***Tính tất yếu khách quan của của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Những đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.***

* Tính tất yếu khách quan của việc pt kinh tế thị trường định hướng XHCN
* Có 3 lý do để lý giải tính tất yếu khách quan của việc phát triển KTTT định hướng XHCN.
* Phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN là phù hợp với **tính quy luật** phát triển khách quan.
* mô hình Kinh tế thị trường có **tính ưu việt** trong phát triển Kinh tế so với các mô hình kinh tế trước kia.
* mô hình này này phù hợp với **nguyện vọng** của nhân dân mong muốn dân giàu, nước mạnh, dân chủ công bằng văn minh.
* đặc trưng của KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam
* Thứ nhất là mục tiêu của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.
* Mục tiêu của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nhằm thực hiện dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
* Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam lấy lợi ích và phúc lợi toàn dân làm mục tiêu.
* Thứ hai là vấn đề sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
* Vấn đề sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tồn tại nhiều hình thức sở hữu với nhiều thành phần kinh tế khác nhau.
* Các thành phần kinh tế độc lập với nhau bình đẳng với nhau trước pháp luật. Nhà nước khuyến khích mọi thành phần kinh tế phát triển.
* Thứ ba là hoạt động quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa :
* Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đại diện cho đa số nhân dân trong xã hội và phải bảo vệ quyền lợi, lợi ích của nhân dân.
* Quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, bằng chiến lược, kế hoạch, chính sách đồng thời sự dụng cơ chế thị trường, các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý kinh tế thị trường để kích thích sản xuất, giải phóng sức sản xuất, phát huy tính tích cực và khắc phục những tiêu cực, hạn chế do cơ chế thị trường mang lại, bảo vệ lợi ích của nhân dân và xã hội.
* Thứ tư kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện đa dạng hóa các hình thức phân phối.
* Thứ năm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đồng thời với bảo đảm công bằng xã hội nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
* Nền kinh tế luôn gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, giáo dục, xây dựng con người và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.
* Nền kinh tế đó luôn có sự gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, mọi người đều có cơ hội và điều kiện phát triển toàn diện.

1. ***Nội dung cơ bản của quá trình công nghiệp hoá hiện đại hoá ở Việt Nam. Quan điểm và những giải pháp để thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá ở Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4***.

-KHÁI NIỆM

Công nghiệp hóa , hiện đại hóa là quá trinh chuyển đổi căn bản và toàn diện các hoạt động kinh tế và kinh tế - xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công sang sử dụng lao động phổ thông áp dụng các công nghệ , phương tiện và phương pháp tiên tiến để tạo ra năng suất xã hội lớn hơn .

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CÔNG NGHIỆP HÓA , HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

1. Công nghiệp hóa , hiện đại hóa trong sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất

2. Thực hiện cơ khí hóa sản xuất xã hội nhờ chuyển nền kinh tế từ chỗ dựa trên kỹ thuật thủ công sang nền kinh tế dựa vào kỹ thuật cơ khí thủ công

3. Xây dựng cơ cấu kinh tế 1 cách hợp lý hiện đại và đạt hiệu quả cao

-QUAN ĐIỂM VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA , HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ 4

QUAN ĐIỂM :

+ Bước 1 là chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết để giải phóng mọi nguồn lực / nhất là con người /

+ Bước 2 là các biện pháp thích ứng phải được thực hiện đồng bộ để có thể phát huy sức sáng tạo của toàn dân

GIẢI PHÁP :

Sự thích ứng :

+ Bước 1 : phải hòan thiện các thể chế sau đó phổ biến cho toàn dân nhằm thúc đẩy sự sáng tạo của nhân dân

+ Bước 2 : Nắm bắt đẩy mạnh việc ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

+ Bước 3 : Chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho những ảnh hưởng tiêu cực mà cuộc cách mạng 4.0 mang lại